



fǎ tíng

法庭

Noun · Court

Example Sentences

fǎ tíng shì shěn pàn de dì fāng

法庭是审判的地方。

A court is a place for trials.

nǐ tīng shuō guò nà ge àn jiàn zuì zhōng zài fǎ tíng shàng hé jiě le ma

你听说过那个案件最终在法庭上和解了吗？

Have you heard that the case was finally settled in court?

fǎ guān zài fǎ tíng shàng xuān bù le pàn jué

法官在法庭上宣布了判决。

The judge announced the verdict in court.

Trace each character, then write the word on your own.

法	法	法	法	法	法	法	法	法	法	法
庭	庭	庭	庭	庭	庭	庭	庭	庭	庭	庭
庭										